

Bản án số: **60/2021/HS-PT**

Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Hồng Giang;

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Tuân và bà Trần Thị Nhài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Lý Đình Kiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLST-HS, ngày 16/11/2020 đối với bị cáo Hứa Văn N do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**HỨA VĂN N**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/5/1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm LG, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn T và bà Nông Thị Tr; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/3/2016, hiện nay đang tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

\* Người bào chữa cho bị cáo Hứa Văn N, bà Nguyễn Thị Thanh N1, Luật Sư Văn phòng Luật sư TN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử, (có mặt).

\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn (do bị cáo mời), Luật sư Nguyễn Văn Đ, Luật sư Công ty Luật thầy Đ và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, (vắng mặt khi tuyên án).

***\* Bị hại:***

1. Anh Hoàng Hữu T1, sinh năm 1980, (đã chết).

2. Anh Nông Văn H1, sinh năm 1973, trú tại: Số nhà 161, phố LĐ, thị trấn LB, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*\* Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Hữu T gồm:*

1. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1984 vợ anh T1, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1956, Mẹ đẻ anh T1, (có mặt);

Đều trú tại: Xóm ĐT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hứa Văn T, sinh năm 1958, trú tại: Xóm LG, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

*\* Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1959, (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950, (vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Thị M, sinh năm 1975, (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Mạnh Tr1, sinh năm 1975, (vắng mặt);

5. Anh Giang Xuân L, sinh năm 1987, (vắng mặt);

6. Anh Bê Văn G, sinh năm 1984, (vắng mặt);

7. Anh Vi Quý H2, sinh năm 1986, (vắng mặt);

8. Anh Hoàng Văn Th2, sinh năm 1986, (vắng mặt);

9. Ông Lý Văn L1, sinh năm 1960, (vắng mặt).

Cùng trú tại: Xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

10. Anh Hà Văn H3, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Trú tại: Xóm ĐR, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

11. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975, (vắng mặt);

Trú tại: Số nhà 161, phố Lao Động, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

*\* Người chứng kiến:*

1. Ông Hoàng Văn Thành, sinh năm 1966, (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1971, (vắng mặt);

Cùng trú tại: Xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Đinh Quang S, Cán bộ Công an huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên là người trực tiếp khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 16/10/2013, (có mặt).

4. Anh Đỗ Duy N, Cán bộ Công an huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (nay là cán bộ Công an huyện Định Hóa), là người trực tiếp vẽ sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 16/10/2013, (có mặt).

5. Lê Thành Th4, Phó Trưởng Công an xã TX, nay là cán bộ UBND xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 15 phút, ngày 16/10/2013 tại Km 9+ 900 ĐT 265 thuộc xóm CN, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên xảy ra tai nạn giao thông giữa xe mô tô biển kiểm soát 20F7-2869(sau đây viết tắt là BKS), trên xe có 02 người là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1980, trú tại Xóm ĐT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên và Hứa Văn N, sinh năm 1982, trú tại Xóm LG, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đi hướng BL - ĐC đã đâm va với xe mô tô BKS 20N5-1651 do anh Nông Văn H1, sinh năm 1973, trú tại Xóm LG, xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả, anh Hay, T1 và Nguyễn đều bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu, đến ngày 21/10/2013 Nguyễn Hữu T1 chết.

Ngay sau khi xảy ra tai nạn, Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện VN đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả: Hiện trường tai nạn là đoạn đường nhựa hướng ĐC - BL, có lòng đường rộng 3,4m, lề đường bên phải rộng 1,3m, lề trái rộng 1m. Lấy hướng ĐC - BL làm hướng đo và cột mốc H9/9 bên lề đường phải làm mốc cố định lâu dài. Xe mô tô BKS 20F7-2869 đổ nghiêng bên phải nằm nghiêng trên mặt đường nhựa, đầu xe hướng BL, đuôi xe hướng ĐC, tâm bánh sau cách mép đường phải là 1,8m, tâm bánh trước cách mép đường phải 1,5m, tâm xe cách mép đường phải là 1,6m, cách cột mốc cố định về hướng BL 8,2m. Từ tâm xe BKS 20F7-2869 về hướng BL 15,1m là tâm xe BKS 20N5-1651. Xe mô tô BKS 20N5-1651 đổ nghiêng bên phải, đầu xe hướng BL, đuôi xe hướng ĐC, có tâm bánh trước cách mép đường nhựa phải 0,3m, tâm bánh sau và tâm xe trùng với mép đường nhựa phải, từ tâm bánh xe về phía ĐC đến mốc cố định là 7m.

Hiện trường để lại 02 vết cà trượt đứt đoạn trên mặt đường nhựa: Vết 1 được ký hiệu (3) trên sơ đồ hiện trường hướng BL - ĐC có chiều dài 5,1m, điểm đầu cách mép đường nhựa phải 1,5m, điểm cuối cách mép đường nhựa phải 1m, điểm đầu cách mốc cố định 3,7m. Từ điểm đầu vết cà trượt về phía BL 3,5m là đến điểm đầu của vết cà trượt 2 được ký hiệu (4) trên sơ đồ. Vết cà trượt đứt đoạn ký hiệu (4) trên sơ đồ hướng ĐC - BL có chiều dài 4,9m, điểm đầu cách mép đường nhựa phải 0,5m và cách mốc cố định 1,4m, điểm cuối trùng với mép đường nhựa phải.

Hiện trường có 01 vũng máu kích thước chỗ rộng nhất 30cm, có tâm cách mép đường nhựa phải 2,4m và cách tâm xe mô tô BKS 20F7-2869 là 1,4m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện giao thông như sau:

Xe mô tô BKS 20N5-1651, hai gương chiếu hậu chỉ còn tay gương, tay gương bên trái dính nhiều đất, đầu tay phanh bên phải có vết chày xước kim loại 2cm, mặt nạ bên phải xe có vết xước kích thước (13 x 4cm), yếm xe tiếp giáp với mặt nạ bên phải có vết xước nhựa dài (26 x 0,6cm), chiều hướng từ trước ra sau, ốp inox phần yếm

bên phải có vết xước lõm kim loại kích thước (6,5 x 2cm), bên dưới bệ để chân bên phải có vết xước nhựa kích thước (26 x 3cm), có chiều hướng từ trước ra sau, đầu yếm bên trái bị nứt vỡ dài 12cm, đầu giảm xóc bên trái có vết xước kim loại kích thước (2x13cm), bệ để chân bên trái bị bật ra khỏi vị trí ban đầu, ốp kim loại phần yếm bên trái bị chày xước kích thước (2x3cm).

Xe mô tô BKS 20F7-2869, đồng hồ đo tốc độ bị vỡ không còn mặt kính, xi nhan bên phải bị bật vỡ ra khỏi vị trí ban đầu, ốp nhựa tay lái và xi nhan bên trái bị vỡ, gương chiếu hậu bên trái đã bị mất mặt gương, chỉ còn tay gương, mặt nạ xe bị vỡ, đầu càng trước bên trái có vết cà trượt màu đen hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau kích thước (3 x 6,5cm), cần chuyển số bị bẻ gấp từ trước ra sau, mặt trong cà số có vết xước kim loại (6 x 6,4cm), đế chân người lái bên trái bị đẩy lùi từ trước ra sau, đế chân bên phải người lái bị đẩy lùi từ trước ra sau, từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên, cốp bên trái bị mất.

Sau khi bị tai nạn, Nguyễn Hữu T1 vào viện, mã bệnh nhân 13079264 sau đó về nhà chết tại gia đình. Tại Kết luận giám định số 242/GDPY, ngày 28/10/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Nguyễn Hữu T1 bị tai nạn giao thông gây tổn thương; vỡ xương hộp sọ, chảy tụ máu trong hộp sọ, tổn thương thần kinh trung ương không hồi phục, dẫn đến chết.

Ngày 12/10/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên có Công văn số 1078/PC54, giải thích về cơ chế hình thành dấu vết: Khi bị tai nạn giao thông vùng đỉnh chằm của Nguyễn Hữu T1 va một lực mạnh vào vật cứng có thiết diện rộng (mặt đường) gây xây sát, rách da, vỡ xương chằm, chảy tụ máu ngoài màng cứng vùng chằm trái. Theo cơ chế lực phản hồi, khi vùng chằm bị đập xuống đường với một lực mạnh thì vùng não tại vùng chằm bị tổn thương (tụ máu ngoài vùng màng cứng vùng chằm trái, vỡ xương chằm) và do có lực phản hồi nên não phía đối diện với vùng chằm đó cũng bị tổn thương (đụng dập tụ máu trong nhu mô não thùy trán và thái dương trái). Với những dấu vết tổn thương để lại trên tử thi, thì có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Hữu T1 khi bị tai nạn đã đập vùng chằm xuống đường.

Tại Bệnh án ngoại khoa của Hứa Văn N, mã bệnh nhân 1379263 có xác định khi N vào viện có một số vết thương, đồng thời tại Biên bản xem xét các dấu vết trên thân thể của N ngày 30/12/2016, có các vết sẹo mà bản thân N trình bày là liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 16/10/2013.

Tại Kết luận giám định pháp y số 222/C54 (TT1), ngày 14/06/2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Qua kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu gửi giám định, khám thương tích và xét nghiệm, xác định: Các tổn thương trên cơ thể của N phù hợp với vị trí điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 khi xảy ra va chạm. Tại Công văn số 1377/TT1-C54, ngày 09/10/2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giải thích nội dung kết luận: Việc không có chữ “người” trong nội dung Kết luận giám định số 222/C54 (TT1), không làm thay đổi bản chất của kết luận giám định.

Theo báo cáo của anh Định Quang S và anh Đỗ Duy N, cán bộ Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Võ Nhai trực tiếp khám nghiệm hiện trường ngay sau khi xảy ra tai nạn, xác định phát hiện 01 chiếc dép nhựa màu đen, dạng dép xốp mắc ở cần số bên trái của xe mô tô BKS 20F7-2869, nhưng do sơ suất không thu giữ và không phản ánh vào biên bản hiện trường.

Ngày 21/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai đã tiến hành xác định lại hiện trường nơi xảy ra tai nạn. Kết quả xác định hiện trường số liệu đều trùng khớp với Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập hồi 21 giờ 15 phút ngày 16/10/2013, ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra còn xác định cụ thể vị trí từng người bị ngã sau tai nạn.

Trong suốt quá trình điều tra, anh Nguyễn Thị M khẳng định: Ngay sau khi tai nạn xảy ra, anh A là người đầu tiên đến hiện trường rồi bật đèn điện thoại của mình và tiến về vị trí xe mô tô của anh Nông Văn H1 ngồi, thì anh H1 nói “tao không sao đâu, mày quay lại xem hai thằng kia thế nào”, lúc này anh A quay lại vị trí xe mô tô nhãn hiệu Dream đỏ và dùng đèn điện thoại quan sát, thì phát hiện một nam thanh niên nằm ngã dọc theo xe mô tô cách đầu xe mô tô khoảng 30cm đến 40cm, một chân vẫn vướng ở khu vực cần số và cốp sườn xe bên trái, mặt người thanh niên này chảy nhiều máu, người thanh niên mặc áo phong cộc tay tối màu. Sau đó anh A tiếp tục quay lại hơi chệch theo hướng đi xã BL, thì phát hiện ở phía sát lề đường bên trái thấy một nam thanh niên ngã dọc theo lề đường, người này ngã ngửa trên đường, đầu nghiêng ra lề đường, anh A dùng tay lật người này lên, thì phát hiện là anh T1 ở Xóm ĐT, xã TX.

Anh Nông Văn H1 là bị hại trong vụ tai nạn, đã xác định qua ánh đèn xe mô tô và ánh điện nhà người dân hắt ra, xác định chính N là người điều khiển xe mô tô đã đâm va vào xe của mình. Mặt khác, khi xảy ra tai nạn N còn nói “chết rồi, chết rồi” anh H1 là người vẫn tỉnh táo và biết người điều khiển phương tiện đâm va vào xe của mình chính là N, vì là người cùng xóm, xã và N mặc áo phong cộc tay tối màu. Tại cơ quan điều tra, anh H1 không yêu cầu N bồi thường và từ chối giám định thương tích do tai nạn gây ra. Lời khai của anh H1 phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Thị M, phù hợp với dấu vết thương tích, vị trí của N nằm sau khi tai nạn xảy ra.

Sau khi xảy ra tai nạn, đến ngày 23/10/2013 (tức ngày 19/9/2013 âm lịch), sau khi làm đám tang cho anh Nguyễn Hữu T1 xong, tại nhà của chị Hoàng Thị Th (vợ anh T1) gồm: Chị Phạm Thị Th1, Nguyễn Thị M, Hoàn Thị Th, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hữu G1 ngồi ở khu vực bếp nhà chị Nguyễn Thị H (vợ của N) có nói với chị Th, “*thôi anh T1 mất rồi, chị cứ nhận cho anh T1 là người lái xe đi, vợ chồng em sẽ biết đến chị và các cháu, nếu Công an có hỏi chị cứ nhận anh T1 là người lái xe, gia đình có công to, việc lớn gì, vợ chồng em sẽ lên giúp chị và các cháu, cái tiền mà sửa xe cho mẹ Phượng, em để cho các cháu em ăn chứ không bao giờ cho mẹ P (tức vợ anh H1).*”

Kết quả điều tra xác định, sau khi chị H nói với chị Th như trên được chị Th đồng ý, nhưng sau đó vợ chồng N không thăm hỏi, giúp đỡ gia đình chị Th như đã

hứa. Đến ngày 21/01/2014, chị Th đã làm đơn gửi Cơ quan điều tra trình bày sự việc và đề nghị giải quyết. Bà M, chị Th và chị Th1 xác định có sự việc thỏa thuận như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST, ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã xét xử Hứa Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và xử phạt N 36 tháng tù. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về bồi thường dân sự, án phí và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng, sau đó bị cáo kháng cáo.

Bản án hình sự phúc thẩm số 134/2018/HSPT, ngày 23/08/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tuyên hủy Bản án hình sự sơ thẩm với lý do, các chứng cứ còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đã điều tra và thực hiện các nội dung còn có mâu thuẫn cần làm rõ như Bản án phúc thẩm đã nêu.

Ngày 23/7/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Võ Nhai đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 113/QĐ-CSĐT, trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an Kết luận giám định số 4189/C09-P3 như sau: Vị trí (điểm) va chạm giữ 2 xe mô tô BKS 20F7-2869 với xe mô tô BKS 20N5-1651, khi xảy ra tai nạn nằm ở phần đường bên phải hướng ĐC - BL. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định xe mô tô BKS 20F7-2869 do bị cáo N điều khiển đi không đúng phần đường.

Quá trình điều tra, N chỉ khai nhận không có Giấy phép lái xe theo quy định, không thừa nhận mình là người điều khiển phương tiện gây tai nạn giao thông và cho rằng từ nhà anh Hiệu ở xóm ĐR, xã DT về, anh Nguyễn Hữu T1 là người điều khiển xe mô tô. Tuy nhiên, quá trình điều tra anh H3 khẳng định khoảng 18 giờ đến 19 giờ ngày 16/10/2013, sau khi ngồi uống nước xong từ nhà anh H3 về, N là người điều khiển xe, còn anh T1 ngồi phía sau xe.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/08/2015, ông Hứa Văn T bố đẻ của N đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, chị Th (vợ bị hại T1) yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí điều trị, mai táng phí và tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật. Bị cáo không nhận tội, nên chưa bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại. Bà T2 (Mẹ đẻ bị hại T1) và anh H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Về phương tiện liên quan đến vụ án: 01 xe mô tô BKS 20N5-1651 đã được trả cho chị Nguyễn Thị P (vợ anh H1) là chủ sở hữu; 01 xe mô tô BKS 20F7-2869 không kèm theo Giấy đăng ký xe (đăng ký xe mang tên Lương Viết Đ1) của N là vật chứng của vụ án, hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Hứa Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 202; các Điều 33, 41, 42; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 604; 605; 610; 617 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hứa Văn N 01 năm 02 tháng 20 ngày (*Một năm, hai tháng, hai mươi ngày*) tù. Thời hạn tù được tính bằng thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/3/2016).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hứa Văn N bồi thường thiệt hại tính mạng của bị hại Nguyễn Hữu T1 cho đại diện bị hại là chị Hoàng Thị Th tổng số tiền 80.000.000 đồng. Ghi nhận việc ông Hứa Văn T (Bố đẻ bị cáo) tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN theo Biên lai số 0007750 ngày 07/0/2015, để bồi thường cho đại diện bị hại là chị Th, số tiền này được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường 80.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn phải thi hành bồi thường là 75.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Hứa Văn N phải cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con của bị hại Nguyễn Hữu T1 là cháu Nguyễn Quang H4, sinh năm 02/04/2004 và cháu Nguyễn Thị Thúy N2, sinh ngày 23/07/2009, mỗi cháu 500.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng thông qua người đại diện nhận là chị Hoàng Thị Th và được tính từ ngày 17/10/2013 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự kiện khác.

3. Về vật chứng: Tạm giữ 01 xe mô tô BKS 20F7-2869 của bị cáo N để đảm bảo thi hành án. Vật chứng có đặc điểm và tình trạng như nội dung ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2017 giữa Công an huyện VN và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Tổng cộng 4.250.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 11/11/2020, bị cáo N kháng cáo kêu oan. Ngày 12/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T kháng cáo yêu cầu trả lại cho ông số tiền 5.000.000 đồng.

#### *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, bị cáo kêu oan và cho rằng mình không điều khiển xe mô tô gây tai nạn xảy ra ngày 16/10/2013 là không có căn cứ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo là người điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 gây tai nạn giao thông, không phải anh Nguyễn Hữu T1. Cấp

sơ thẩm đã khắc phục những vi phạm thủ tục tố tụng và những thiếu sót do cấp phúc thẩm đã hủy án ngày 23/8/2018.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ sau, xác định bị cáo là người điều khiển xe mô tô BKS 20F7- 2869 gây tai nạn giao thông xảy ra ngày 16/10/2013:

1. Lời khai của anh Hà Văn H3 xác định chính bị cáo là người điều khiển xe chở anh T1 đi từ nhà anh về tối ngày 16/10/2013; anh Nông Văn H1 là bị hại trong vụ án trực tiếp chứng kiến toàn bộ sự việc khẳng định, người điều khiển xe mô tô đi ngược chiều đêm và vào xe của anh do bị cáo điều khiển, đằng sau chở anh Nguyễn Hữu T1, qua ánh đèn xe của anh nhìn rõ bị cáo là người điều khiển xe mô tô đi đối diện ngược chiều; anh Nguyễn Đạt A là người đầu tiên đến hiện trường rồi bật đèn điện thoại của mình và tiến về vị trí các xe mô tô bị tai nạn.

2. Kết luận giám định pháp y số 222/C54 (TT1), ngày 14/6/2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Qua kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu gửi giám định, khám thương tích, xét nghiệm, xác định: Các tổn thương trên cơ thể của N phù hợp với vị trí điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 khi xảy ra va chạm; Kết luận giám định số 4189/C09-P3, ngày 12/8/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Vị trí (điểm) va chạm giữa 2 xe mô tô BKS 20F7-2869 với xe mô tô BKS 20N5-1651, khi xảy ra tai nạn nằm ở phần đường bên phải hướng ĐC - BL. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định xe mô tô BKS 20F7-2869 do bị cáo N điều khiển đi không đúng phần đường.

3. Đối với số tiền 5.000.000 đồng của ông Hứa Văn T (bố đẻ bị cáo) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên để bồi thường cho bị cáo, tại cấp sơ thẩm ông T yêu cầu trả lại. Xét thấy, số tiền trên ông T đã tự nguyện nộp để bồi thường cho bị cáo, cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, buộc bị cáo phải trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, sửa phần trách nhiệm dân sự và phần án phí.

*\* Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến:*

1. Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2. Trong quá trình điều tra, cấp sơ thẩm đã điều tra chưa toàn diện, khách quan.

3. Về chứng cứ: Lời khai của anh Hà Văn H3 không khách quan, ban đầu khai anh Nguyễn Hữu T1 là người điều khiển xe mô tô, sau đó lại thay đổi lời khai xác định bị cáo là người điều khiển xe mô tô; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo luôn kêu oan, nhưng cấp sơ thẩm lại quy kết bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là không có căn cứ; lời khai của anh Nguyễn Đạt A về chiếc dép còn mắc ở cần số xe, nhưng cấp sơ thẩm lại không thu hỏi được; lời khai của anh H1 nhìn thấy xe của bị cáo đâm vào xe của mình,

nhưng cấp sơ thẩm lại không thực nghiệm điều tra, để xem hai xe đi đối diện có nhìn thấy nhau không; sơ đồ hiện trường và Biên bản hiện trường ban đầu được lập không đúng quy định, bị nhầm lẫn về số liệu, nên không có giá trị pháp lý và không thể dùng làm chứng cứ buộc tội bị cáo; vị trí ngã của bị cáo được các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định không đúng; có vết máu trên hiện trường nhưng các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không thu giữ; bản nháp mô tả về chiếc dép không đúng quy định và không thu giữ được vật chứng, nhưng lại quy kết bị cáo phạm tội là không có căn cứ.

4. Về thủ tục truy nã bị cáo không đúng quy định của pháp luật.

5. Việc khám nghiệm phương tiện và các dấu vết trên hai phương tiện không phù hợp với việc va chạm của hai phương tiện.

6. Các Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự không khách quan, tài liệu thu thập không đúng quy định, đồng thời kết luận chỉ nêu phù hợp với vị trí điều khiển chứ không kết luận bị cáo là người điều khiển xe mô tô gây tai nạn.

7. Việc xác định lại hiện trường của cơ quan điều tra tại cấp sơ thẩm không khách quan, lúc ghi lề đường rộng 01m, lúc ghi lề đường rộng 0,6m.

8. Biên bản dựng lại hiện trường không có sự tham gia của Luật sư và bị cáo là không khách quan.

Theo nguyên tắc suy đoán vô tội, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13, Điều 15 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ giải quyết vụ án.

*\* Bị cáo có ý kiến:* Vết cà trượt trên hiện trường không mô tả rõ của xe mô tô nào, Cơ quan điều tra vẽ sơ đồ hiện trường không khách quan, Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an không có cơ sở.

*\* Ông Hứa Văn T có ý kiến:* Đề nghị cấp phúc thẩm trả lại cho ông số tiền 5.000.000 đồng.

*\* Bà Lê Thị T2 đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Hữu T 1 có ý kiến:* Không nhất trí với Bản án hình sự sơ thẩm.

*\* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đối đáp*

Các Kết luận giám định các dấu vết trên phương tiện, sơ đồ hiện trường là có căn cứ; Kết luận giám định đã xác định xe mô tô do bị cáo điều khiển đi không đúng phần đường.

Đối với kháng cáo của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

*\* Luật sư đối đáp*

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở kết tội bị cáo ; Các Kết luận giám định không khách quan, do sơ đồ hiện trường dựng lại không đúng; giải thích vết máu trên hiện trường và xác định vị trí đâm va giữa hai xe mô tô không chính xác; Công an huyện Võ Nhai đã ra quyết định không khởi tố vụ án, sau đó lại khởi tố

vụ án không đúng quy định của pháp luật, Biên bản khám nghiệm hiện trường được lập không đúng quy định, giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

*\* Kiểm sát viên đối đáp:*

Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Các Kết luận giám định Kiểm sát viên không có quyền giải thích, giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hứa Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hứa Văn N khai nhận: Tối ngày 16/10/2013, bị cáo và anh Nguyễn Hữu T1 rủ nhau đến nhà anh Hà Văn H3, ở Xóm ĐR, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên để nhận công việc làm mộ cho nhà anh H3, trao đổi công việc xong đến khoảng 19 giờ cùng ngày, thì cả hai người ra về, cùng đi trên xe mô tô của bị cáo BKS 20F7-2869, do anh T1 là người điều khiển, khi tham gia giao thông cả hai người không đội mũ bảo hiểm, khi đi đến khu vực xóm CN, xã TX, huyện VN (km 9+900 ĐT 265) xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 20N5-1651 do anh Nông Văn H1 điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả cả ba người bị thương (anh T1 và bị cáo bất tỉnh tại chỗ) được mọi người đưa đi cấp cứu điều trị tại bệnh viện, hai xe mô tô hư hỏng. Đến ngày 21/10/2013, anh T1 chết, sau khi ra viện anh Hay từ chối không giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo không nhận tội và cho rằng mình không phải là người điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 đâm va vào xe mô tô BKS 20N5-1651 của anh H1, xảy ra ngày 16/10/2013. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

Khi xảy ra tai nạn, anh H là bị hại trong vụ án trực tiếp chứng kiến toàn bộ sự việc khẳng định, người điều khiển xe mô tô đi ngược chiều đâm va vào xe của anh do bị cáo điều khiển, đằng sau chở anh Nguyễn Hữu T1. Qua ánh đèn xe của anh nhìn rõ bị cáo là người điều khiển xe mô tô đi đối diện ngược chiều, bị cáo mặc áo phông cộc tay kẻ ngang tối màu, vì là người hàng xóm quen biết nên dễ nhận ra, trước khi hai xe

va chạm, bị cáo còn hô “chết rồi, chết rồi” tiếng dân tộc tức là “hải ló, hải ló”, sau va chạm, anh H1 vẫn tỉnh táo.

Anh Giang Xuân L là người trực tiếp đưa bị cáo và anh T1 đi Bệnh viện cấp cứu cũng khẳng định, bị cáo được đưa vào bệnh viện, trên người mặc áo phông cộc tay tối màu, còn anh T1 mặc áo trắng dài tay, quần ngắn, khi vào viện cả hai đều bất tỉnh

Bị cáo xác định khi xảy ra tai nạn, bị cáo mặc quần màu sẫm, áo phông kẻ ngang màu nâu, xanh. Sau tai nạn xảy ra, những người chứng kiến đều xác định, anh T1 mặc áo trắng dài tay, quần soóc, đi dép tổ ong trắng, đặc điểm khác với bị cáo. Anh Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Mạnh Tr1 đều khẳng định, bị cáo là người mặc áo phông cộc tay tối màu, nằm ngửa sát ngay trước đầu xe mô tô BKS 20F7-2869, anh Bế Văn G xác định nhìn thấy bị cáo ngã nằm úp cạnh xe, anh Giáp và anh Tráng khiêng bị cáo lên xe máy đưa vào Trạm xá xã TX cấp cứu.

Lời khai của anh Hà Văn H3 xác định, chính bị cáo là người điều khiển xe mô tô chở anh T1 đi từ nhà anh về tối ngày 16/10/2013, cả hai người trong tình trạng say rượu và đều không đội mũ bảo hiểm.

Sau tai nạn xảy ra, anh T1 và bị cáo đều bị thương có những dấu vết thương tích trên thân thể và được phản ánh vào Phiếu vào viện và bệnh án của Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên, cụ thể: Tại phiếu vào viện có ghi rõ, Hứa Văn N khi vào viện bị thương gò má phải, ngón v bàn tay trái, mu bàn chân trái; Tại Bệnh án số 2830 ngày 16/10/2013 của Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên, có ghi Hứa Văn N bị chấn thương sọ não gãy cung tiếp gò má (P), gãy đốt 1 ngón v bàn tay trái. Các dấu vết tổn thương trên cơ thể anh T1 được ghi trong Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 22/10/2013, chỉ có 02 vị trí bị tổn thương là sưng nề, rách da vùng cằm bên phải và vết bầm tím cánh tay trái.

Biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS 20F7-2869 như sau: Ốp nhựa tay lái và xi nhan bên trái bị vỡ, gương chiếu hậu bên trái đã bị mất mặt gương, chỉ còn tay gương, mặt nạ xe bị vỡ, đầu càng trước bên trái có vết cà trượt màu đen hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, kích thước 3x6,5cm, cần chuyển số bị bẻ gấp từ trước ra sau, mặt trong cần số có vết xước kim loại 6x6,4cm (cần số nằm bên trái của xe), để chân người lái bên.

Tại Kết luận giám định pháp y số 222/C54 (TT1), ngày 14/06/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Qua kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu gửi giám định, khám thương tích và xét nghiệm, xác định: Các tổn thương trên cơ thể Hứa Văn N phù hợp với vị trí điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 khi xảy ra va chạm.

Tại Kết luận giám định số 4189/C09-P3, ngày 12/8/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Vị trí (điểm) va chạm giữa 2 xe mô tô BKS 20F7-2869 với xe mô tô BKS 20N5-1651, khi xảy ra tai nạn nằm ở phần đường bên phải hướng ĐC - BL. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định xe mô tô BKS 20F7-2869 do bị cáo điều khiển đi không đúng phần đường.

Sau tai nạn xảy ra, đến ngày 23/10/2013 (tức ngày 19/9/2013 âm lịch), sau khi làm đám tang cho anh T1 xong, tại nhà của chị Hoàng Thị Th (vợ anh T1) gồm: Chị Phạm Thị Th1, Nguyễn Thị M, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hữu G1 ngồi ở khu vực bếp nhà chị Nguyễn Thị H (vợ của N) có nói với chị Th, “thôi anh T1 mất rồi, chị cứ nhận cho anh T1 là người lái xe đi, vợ chồng em sẽ biết đến chị và các cháu, nếu Công an có hỏi, chị cứ nhận anh T1 là người lái xe, gia đình có công to, việc lớn gì, vợ chồng em sẽ lên giúp chị và các cháu, cái tiền mà sửa xe cho mẹ P, em để cho các cháu em ăn, chứ không bao giờ cho mẹ P (tức vợ anh H1).

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo là người điều khiển xe mô tô BKS 20F7-2869 đi lần đường đã đâm va vào xe mô tô BKS 20N5-1651 do anh H1 điều khiển đi ngược chiều, hậu quả dẫn đến anh T1 chết, anh H1 bị thương, 02 xe mô tô bị hư hỏng. Hành vi điều khiển xe mô tô của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ; khoản 8 Điều 5 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT, ngày 17/7/2009 của Bộ Giao thông vận tải.

Khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ quy định: *1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.*

Khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ quy định: *“Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình”.*

Khoản 8 Điều 5 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT, ngày 17/7/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định: *Các trường hợp phải giảm tốc độ:*

*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:*

*...8. Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt.*

Hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ của bị cáo nêu trên, đã gây hậu quả làm 01 người chết, bị cáo điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe theo quy định. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 01 năm 02 tháng 20 ngày tù là có phần đã xem xét, chiếu cố đến điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, lại là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế, hành vi phạm tội thuộc trường hợp với lỗi vô ý, bị cáo không có

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức hình phạt tù do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, cần y án về mức hình phạt tù đối với bị cáo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hứa Văn T yêu cầu trả lại số tiền 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy; ngày 07/8/2015, ông Hứa Văn T (bố đẻ bị cáo) đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên để bồi thường cho bị cáo, tại cấp sơ thẩm ông T yêu cầu trả lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, nhưng lại không tuyên bị cáo phải trả cho ông T số tiền trên là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T, số tiền trên cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ, không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ tiền mai táng phí; tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho đại diện bị hại; tiền cấp dưỡng nuôi hai con của bị hại cho đến năm mỗi cháu đủ 18 tuổi và phải có trách nhiệm trả lại cho ông T 5.000.000 đồng.

[6] Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đang tạm giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 20F7-2869 của bị cáo, xét thấy cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T được chấp nhận, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hứa Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên về hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của ông Hứa Văn T, sửa một phần Bản án sơ thẩm 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về phân trách nhiệm dân sự và án phí như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Hứa Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 202; Điều 33, 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hứa Văn N 01 năm 02 tháng 20 ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/3/2016.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 604; 605; 610; 617 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hứa Văn N phải bồi thường thiệt hại tính mạng của bị hại Nguyễn Hữu T1 cho đại diện bị hại là chị Hoàng Thị Th với tổng số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng, do ông Hứa Văn T (bố đẻ bị cáo) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo Biên lai số 0007750 ngày 07/8/2015, để bồi thường cho đại diện bị hại là chị Hoàng Thị Thảo, số tiền trên được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường 80.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 75.000.000 đồng (bảy mươi năm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Hứa Văn N phải cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con của bị hại Nguyễn Hữu T1, là cháu Nguyễn Quang H4, sinh ngày 02/4/2004 và cháu Nguyễn Thị Thúy N2, sinh ngày 23/7/2009, mỗi cháu 500.000 đồng/tháng (năm trăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng thông qua người đại diện người nhận là chị Hoàng Thị Th và được tính từ ngày 17/10/2013, cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự kiện khác.

- Buộc bị cáo Hứa Văn N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Hứa Văn T (bố đẻ) số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

*Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu QUICK BKS 20F7-2869, số khung 21Y1000662; số máy FMG00406528 của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

*Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật giữa Cơ quan điều tra Công an huyện VN và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên ngày 23/11/2017.*

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) án dân sự và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp vào ngân sách nhà nước.

**6.**Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST, ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 29/6/2021./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Tuân Trần Thị Nhài**

**Vương Hồng Giang**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện VN;
- Công an huyện VN;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Hồng Giang**